

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 27

AA  
C  
KII  
C  
C  
H  
D  
PH  
C  
AF  
E  
IR  
PH

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng,  
Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/5/2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Michael Marc Lee	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thuýn	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Callum Fraser	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Trương Diệu Hương	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật
----------------------	---

#### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

#### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

#### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 của Công ty.

#### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 27, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cùng với bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Văn Chiến**  
Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 21 tháng 8 năm 2024



Số: 047/2024/BCSX-HT.00141

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 27 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1673-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>38.052.578.980</b>	<b>35.757.846.479</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>413.206.693</b>	<b>692.214.503</b>
Tiền	111		413.206.693	692.214.503
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.209.217.142</b>	<b>34.650.686.272</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.046.674.000	2.058.724.500
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	631.780.000	47.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	29.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.530.763.142	2.544.461.772
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>430.155.145</b>	<b>414.945.704</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.086.126	7.492.586
Thuế GTGT được khấu trừ	152		428.069.019	407.453.118
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>198.492.994.460</b>	<b>198.515.967.320</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.047.513.429</b>	<b>10.047.513.429</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	10.047.513.429	10.047.513.429
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>109.358.188</b>	<b>127.584.550</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	109.358.188	127.584.550
- Nguyên giá	222		182.263.636	182.263.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.905.448)	(54.679.086)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.7</b>	<b>188.335.816.609</b>	<b>188.335.816.609</b>
Đầu tư vào công ty con	251		18.899.000.000	18.899.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		169.459.500.000	169.459.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.683.391)	(22.683.391)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>306.234</b>	<b>5.052.732</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	306.234	5.052.732
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>236.545.573.440</b>	<b>234.273.813.799</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.106.671.991</b>	<b>11.041.351.890</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.106.671.991</b>	<b>11.041.351.890</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	6.308.076.337	4.065.351.781
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	54.743.015	182.555.279
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	5.713.973	78.026.164
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	120.863.090	98.143.090
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	6.600.000.000	6.600.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>223.438.901.449</b>	<b>223.232.461.909</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>223.438.901.449</b>	<b>223.232.461.909</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.214.501.359	13.008.061.819
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước	421a		13.008.061.819	12.305.803.902
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		206.439.540	702.257.917
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>236.545.573.440</b>	<b>234.273.813.799</b>

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	41.876.230.700	19.818.340.450
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>41.876.230.700</b>	<b>19.818.340.450</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.491.761.170	19.344.773.789
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>384.469.530</b>	<b>473.566.661</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	903.982.299	1.020.225.514
Chi phí tài chính	22	6.4	271.156.986	64.551.781
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		271.156.986	64.551.781
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	748.673.074	754.401.820
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>268.621.769</b>	<b>674.838.574</b>
Thu nhập khác	31	6.7	-	172.602.740
Chi phí khác	32	6.8	8.457.875	5.484.942
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(8.457.875)</b>	<b>167.117.798</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>260.163.894</b>	<b>841.956.372</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	53.724.354	169.488.263
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>206.439.540</b>	<b>672.468.109</b>

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		260.163.894	841.956.372
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.226.362	18.226.362
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(903.982.299)	(1.000.235.277)
Chi phí lãi vay			271.156.986	64.551.781
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(354.435.057)	(75.500.762)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.092.845.401)	50.641.834.323
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(3.751.800.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập DN phải nộp)	11		2.196.694.556	(700.354.072)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.152.958	35.897.736
Tiền lãi vay đã trả	14		(274.719.177)	(58.747.397)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(181.536.618)	(240.212.109)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.696.688.739)	45.851.117.719
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.000.000.000	3.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(52.209.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		417.680.929	1.136.328.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.417.680.929	(48.073.171.233)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		6.600.000.000	6.600.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	6.600.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(279.007.810)	4.377.946.486
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		692.214.503	2.804.681.075
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		413.206.693	7.182.627.561

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/5/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh thương mại, đầu tư.**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống  
Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc Công ty**

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động
1	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk	Số 185 Giải Phóng - Thị trấn Phước An - Huyện Krông Pắc - Đắk Lắk.	Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh
2	CN Công ty CP Solavina tại Kon Tum	Thôn Măng Đen - Xã Đắk Long - Huyện Kon Plông - Kon Tum.	Đã ngừng hoạt động, đóng mã số thuế
3	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Nông	Tổ 5 - Phường Nghĩa Đức - Thành phố Gia Nghĩa - Đắk Nông.	Đang tạm ngừng kinh doanh
4	CN Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam	Tầng 15 tòa nhà Viwaseen, số 48 đường Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Đang hoạt động

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 06 người (tại ngày 31/12/2023 là: 06 người).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Chi tiết Công ty con tại ngày 30/6/2024, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Thương mại M&S	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	95,31%	95,31%	Bán buôn hàng hóa các loại

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữ niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2024 và kết thúc ngày 30/6/2024.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ kế toán được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.*

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 10 năm

### **4.8 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **4.9 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Cổ phiếu quỹ:** Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### **4.11 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **4.12 Doanh thu và thu nhập**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Thu nhập từ tiền lãi tiền gửi và đầu tư**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi.

### **4.13 Chi phí**

#### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

### **4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### **4.15 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **4.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 30/6/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
	VND	VND
- Tiền mặt	404.818.795	173.567.473
- Tiền gửi ngân hàng	8.387.898	518.647.030
<b>Cộng</b>	<b>413.206.693</b>	<b>692.214.503</b>

**5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 30/6/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Nông sản Hồng Phong	4.046.674.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải B&L	-	2.058.724.500
- Phải thu các khách hàng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.046.674.000</b>	<b>2.058.724.500</b>

**5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/6/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
	VND	VND
- Công ty CP ĐT và TM VBS	584.280.000	-
- Trả trước cho nhà cung cấp	47.500.000	47.500.000
<b>Cộng</b>	<b>631.780.000</b>	<b>47.500.000</b>

**5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/6/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
	VND	VND
- Ông Hạ Quyết Chiến (*)	19.000.000.000	19.000.000.000
- Bà Hoàng Hải Trang (**)	10.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

(\*) Theo Hợp đồng cho vay số 01.2022/HĐVT ngày 20/5/2022 và Phụ lục số 04 ký ngày 01/10/2023, thời hạn cho vay được gia hạn đến ngày 30/6/2024, lãi suất 5%/năm kể từ ngày 01/10/2023, tài sản đảm bảo là 10 căn liền kề thuộc khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và ông Hạ Quyết Chiến. Công ty sẽ thu hồi khoản cho vay này trước ngày 30/09/2024.

(\*\*) Theo Hợp đồng cho vay số 01/2024/HĐVT ngày 27/6/2024, thời hạn cho vay 60 ngày kể từ ngày 27/6/2024, lãi suất 5%/năm, tài sản đảm bảo là Hợp đồng đặt cọc số 37/TT3.2/WP/HĐĐC/LIC5 và Hợp đồng đặt cọc số 76/TT7.3/WP/HĐĐC/LIC5 đặt cọc mua bất động sản tại Khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng đặt cọc mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và bà Hoàng Hải Trang.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/6/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.530.763.142</b>	-	<b>2.544.461.772</b>	-
- Tạm ứng	1.500.000.000	-	1.000.000.000	-
- Lãi cho vay phải thu	242.328.767	-	6.027.397	-
- Lãi hợp tác kinh doanh (ii)	750.000.000	-	500.000.000	-
- Ông Nguyễn Hồng Quang (i)	1.009.440.135	-	1.009.440.135	-
- Phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
<b>Dài hạn</b>	<b>10.047.513.429</b>	-	<b>10.047.513.429</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	47.513.429	-	47.513.429	-
- Ông Phùng Thế Tô	-	-	-	-
- Công ty CP Foveris (ii)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.578.276.571</b>	-	<b>12.591.975.201</b>	-

- (i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng Quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty (đã miễn nhiệm 04/9/2019) trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Nguyễn Hồng Quang và Công ty, ông Nguyễn Hồng Quang cam kết thanh toán hết các khoản công nợ nói trên cho Công ty vào ngày 31/12/2023. Công ty sẽ thu hồi khoản nợ này trước ngày 30/09/2024.
- (ii) Phải thu Công ty CP Foveris (Foveris) theo Hợp đồng hợp tác số 0812/HĐHT ngày 08/12/2022, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/6/2023 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 01/10/2023 ký giữa Công ty và Công ty CP Foveris. Công ty góp vốn là 10 tỷ VND để phục vụ các công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 6,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông dược liệu và nuôi trồng thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Năm 2024, Công ty được hưởng 5% lợi nhuận trên số tiền thực góp. Đến hết ngày 31/12/2024 nếu Công ty Cổ phần Foveris không làm xong các thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất công ty sẽ thực hiện thu hồi khoản đầu tư này.

**5.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.086.126	7.492.586
- Chi phí trả trước khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.086.126</b>	<b>7.492.586</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	306.234	5.052.732
<b>Cộng</b>	<b>306.234</b>	<b>5.052.732</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 30/6/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>18.899.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.899.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Thương mại M&S	18.899.000.000	(*)	18.899.000.000	(*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>169.459.500.000</b>	<b>-</b>	<b>169.459.500.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Cyan	75.000.000.000	(*)	75.000.000.000	(20.888.560) (*)
- Công ty CP Veridian	21.550.000.000	(*)	21.550.000.000	(1.794.831) (*)
- Công ty CP ĐT và PT Lũng Lô 5	72.909.500.000	(*)	72.909.500.000	- (*)
<b>Cộng</b>	<b>188.358.500.000</b>	<b>(22.683.391)</b>	<b>188.358.500.000</b>	<b>(22.683.391)</b>

- Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.5

- Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2024.

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	% biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Cyan	Đường Thanh Niên, Khố Hà My Đông B, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15,00%	15,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Veridian	Đường Thanh Niên, Thôn Hà Quảng Đông, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	15,25%	15,25%	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
3	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	17,61%	17,61%	Kinh doanh bất động sản

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư 01/01/2024	182.263.636	182.263.636
Mua trong kỳ	-	-
Số dư 30/6/2024	182.263.636	182.263.636
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>		
Số dư 01/01/2024	54.679.086	54.679.086
Khấu hao trong kỳ	18.226.362	18.226.362
Số dư 30/6/2024	72.905.448	72.905.448
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2024	127.584.550	127.584.550
Tại ngày 30/6/2024	109.358.188	109.358.188

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

**5.9. Phải trả người bán**

**a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VBS	-	-	2.071.882.800	2.071.882.800
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VBS - CN Hà Nội	4.337.643.170	4.337.643.170	-	-
- Các nhà cung cấp khác	746.893.167	746.893.167	769.928.981	769.928.981
<b>Cộng</b>	<b>6.308.076.337</b>	<b>6.308.076.337</b>	<b>4.065.351.781</b>	<b>4.065.351.781</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	Tại ngày 30/6/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
- Các nhà cung cấp khác	353.940.000	353.940.000	353.940.000	353.940.000
<b>Cộng</b>	<b>1.577.480.000</b>	<b>1.577.480.000</b>	<b>1.577.480.000</b>	<b>1.577.480.000</b>

**5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.555.279	53.724.354	181.536.618	54.743.015
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.590.909	1.590.909	-
Các loại thuế khác	-	11.423.101	11.423.101	-
<b>Cộng</b>	<b>182.555.279</b>	<b>66.738.364</b>	<b>194.550.628</b>	<b>54.743.015</b>

**5.11. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
- Lãi tiền vay	5.713.973	9.276.164
- Chi phí phải trả khác	-	68.750.000
<b>Cộng</b>	<b>5.713.973</b>	<b>78.026.164</b>

**5.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
- Bảo hiểm xã hội	25.352.603	7.247.603
- Bảo hiểm y tế	4.053.684	858.684
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.746.353	326.353
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.000.000	50.000.000
- Phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>120.863.090</b>	<b>98.143.090</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/6/2024		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
- Vay ngắn hạn	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
+ NH Tiên phong Bank (*)	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>

(\*) Khoản vay tại Ngân hàng Tiên Phong theo Hợp đồng tín dụng số 126/2024/HDTD/HHA ngày 24/5/2024 với tổng hạn mức tín dụng tối đa không quá 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua hàng hóa cho các nhà cung cấp đã đến hạn thanh toán. Số tiền vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NĂM TRƯỚC</b>					
01/01/2023	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	12.365.759.559	222.590.159.649
Lãi trong năm	-	-	-	702.257.917	702.257.917
Giảm khác	-	-	-	(59.955.657)	(59.955.657)
31/12/2023	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.008.061.819	223.232.461.909
<b>KỲ NÀY</b>					
01/01/2024	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.008.061.819	223.232.461.909
Lãi trong kỳ	-	-	-	206.439.540	206.439.540
Giảm khác	-	-	-	-	-
30/6/2024	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.214.501.359	223.438.901.449

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
- Vốn góp của các cổ đông	210.000.000.000	210.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>21.000.000</b>	<b>21.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	41.876.230.700	19.818.340.450
<b>Cộng</b>	<b>41.876.230.700</b>	<b>19.818.340.450</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Giá vốn bán hàng hóa đã bán	41.491.761.170	19.344.773.789
<b>Cộng</b>	<b>41.491.761.170</b>	<b>19.344.773.789</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	653.982.299	650.235.277
- Thu nhập tài chính khác	250.000.000	369.990.237
<b>Cộng</b>	<b>903.982.299</b>	<b>1.020.225.514</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024</b>	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</b>
	VND	VND
- Lãi tiền vay	271.156.986	64.551.781
<b>Cộng</b>	<b>271.156.986</b>	<b>64.551.781</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024</b>	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</b>
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	457.101.596	386.277.000
- Chi phí dụng cụ quản lý	10.957.504	39.759.644
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.226.362	18.226.362
- Thuế, phí, lệ phí	6.530.000	7.795.230
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.857.612	302.343.584
- Chi phí bằng tiền khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>748.673.074</b>	<b>754.401.820</b>

**6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024</b>	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</b>
	VND	VND
- Chi phí nhân công	457.101.596	386.277.000
- Chi phí dụng cụ quản lý	10.957.504	39.759.644
- Chi phí khấu hao	18.226.362	18.226.362
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.857.612	302.343.584
- Chi phí khác bằng tiền	6.530.000	7.795.230
<b>Cộng</b>	<b>748.673.074</b>	<b>754.401.820</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024</b>	<b>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023</b>
	VND	VND
Các khoản tiền phạt	-	172.602.740
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>172.602.740</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.8. Chi phí khác**

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Các khoản tiền phạt	8.457.875	5.484.942
<b>Cộng</b>	<b>8.457.875</b>	<b>5.484.942</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		53.724.354	169.488.263
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	(i)	<b>53.724.354</b>	<b>169.488.263</b>
		Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
(i) <b>Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>260.163.894</b>	<b>841.956.372</b>
Điều chỉnh tăng		8.457.875	5.484.942
Điều chỉnh giảm		-	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>		<b>268.621.769</b>	<b>847.441.314</b>
Thuế suất thuế TNDN		20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>		<b>53.724.354</b>	<b>169.488.263</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		<b>53.724.354</b>	<b>169.488.263</b>

**6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

8999  
 CÔNG  
 TY CỔ  
 PHẦN  
 TẬP Đ  
 OÀN  
 VEXIL  
 LA VI  
 ỆT N  
 AM  
 CH  
 Í M  
 I  
 NH  
 7  
 TP  
 HỒ  
 CHÍ  
 M  
 I  
 NH  
 -  
 V  
 H  
 -  
 30  
 /  
 6  
 /  
 20  
 24  
 H  
 I  
 -

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Thương mại M&S	Công ty con
2	Ông Michael Marc Lee	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Ông Nguyễn Ngọc Thuỳên	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Ông Callum Fraser	Thành viên quản lý chủ chốt
6	Bà Trương Diệu Hương	Thành viên quản lý chủ chốt
7	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Kế toán trưởng

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

**Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Chiến	TV HĐQT/Tổng Giám đốc	64.650.000	59.470.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Kế toán trưởng	63.750.000	58.570.000
		<b>128.400.000</b>	<b>118.040.000</b>

c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023
		VND	VND
<b>Công ty CP Thương mại M&amp;S</b>	<b>Công ty con</b>		
Góp thêm vốn		-	1.000.000.000

d) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:

Tại ngày 30/6/2024, Công ty không phát sinh công nợ phải thu phải trả với các bên liên quan.

**7.3 Báo cáo bộ phận**

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty đã được soát xét.

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thu Huyền**

**Nguyễn Thị Thu Huyền**

**Nguyễn Văn Chiến**

